

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 14-6-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản
chung, nợ chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Minh A, sinh năm 1988 – Có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1985 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Thanh Điền – Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Thanh Điền thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1957 (đã chết);

Địa chỉ: Ấp T V 1, xã T P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

- Chị Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1985 (đồng thời là bị đơn trong vụ án).

- Chị Hồ Thị Tr, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp X Đ, xã T P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Hồ Thị Thúy V, sinh năm 1990 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án)

Người đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị Tr: Chị Hồ Thị Thúy V là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07-01-2022).

2. Chị Hồ Thị Thúy V, sinh năm 1990 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp T V 1, xã T P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, Số 9, Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Minh A trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau từ tháng 6-2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã G L (nay là phường G L). Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ anh đến năm 2014 thì xây nhà ra riêng trên đất của cha mẹ anh cho anh tại ấp L K, xã G L (nay là khu phố L K, phường G L). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế. Do khi vợ chồng chung sống, cha mẹ anh có cho anh 400 cây cao su để cạo mủ bán kiếm thêm thu nhập, nhưng từ khi chung sống mọi chi phí trong gia đình đều do anh lo, chị T đi bán mủ cao su lấy tiền nhưng cũng không phụ anh chi phí trong gia đình, anh góp ý thì chị T không nghe nên vợ chồng cãi nhau. Đến năm 2018, anh quyết định trả lại cho cha mẹ anh 400 cây cao su, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa năm 2019, anh chuyển ra ngoài sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, anh và chị T không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung sau đây: 01 căn nhà cấp 4 xây trên đất của cha mẹ anh cho anh tại khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, nhà hiện đang đóng cửa không ai sử dụng; 01 chiếc xe mô tô hiệu Ferrolì do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và anh đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter do anh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, chị T đang quản lý, sử dụng.

Nay anh A yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên, anh yêu cầu nhận tất

cả tài sản và anh giao lại một nửa giá trị tài sản cho chị T.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền nợ gốc tổng cộng là 34.855.348 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019. Đối với số nợ của ông S và chị V anh không biết, anh cũng không có ghi vào tờ giấy tập học sinh nội dung “V: 150 triệu, ba vợ 50t”.

Số nợ của VPB FC anh đồng ý trả một nửa tiền nợ gốc là 17.427.692 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019 khi Công ty có yêu cầu, số tiền nợ của ông S, chị V anh không đồng ý trả do anh không có nợ.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S - chị Hồ Thị Hồng T trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh A về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Chị có ý kiến bổ sung: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn nhau là do anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh A đang thuê nhà trọ sống chung với người phụ nữ đó.

Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hiện nay chị cũng không có mang thai.

Về tài sản chung: Chị thừa nhận vợ chồng có những tài sản chung như anh A trình bày. Nay chị yêu cầu chia tài sản chung thành 10 phần, chị nhận 06 phần, anh A nhận 04 phần vì anh A là người có lỗi. Chị đồng ý giao toàn bộ tài sản cho anh A, chị nhận giá trị tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ VPB FC số tiền nợ gốc tổng cộng là 34.855.348 đồng, nợ cha ruột chị là ông Hồ Văn S số tiền 50.000.000 đồng và nợ em chị là chị Hồ Thị Thúy V 134.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24K 9999 để xây nhà, mua xe và chi tiêu trong gia đình.

Số nợ của VPB FC chị yêu cầu Tòa án xác định cho chị và anh A mỗi người trả một nửa tiền nợ gốc là 17.427.692 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019 khi Công ty có yêu cầu. Với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S, chị vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của ông S, về việc chia thừa kế số tiền ông S yêu cầu chị em chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Chị đồng ý trả một nửa số nợ của ông S và chị V.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S - chị Hồ Thị Thúy V trình bày:

Chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S, ngoài ra chị còn là người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị Tr, chị trình bày ý kiến và yêu cầu của ông S và của chị như sau: Chị là em ruột của chị T. Khoảng năm 2014, khi

chị đi làm ở nước ngoài, chị nhiều lần chuyển tiền về Việt Nam cho anh A, chị T mượn để xây nhà, mua xe và chi tiêu trong gia đình, có lúc chị chuyển tiền vào tài khoản của chị T, có lúc chuyển tiền vào tài khoản của anh A, cũng có lúc chuyển vào tài khoản của chị do chị gửi thẻ ngân hàng của chị cho chị T giữ. Tổng số tiền chị chuyển cho anh A, chị T mượn là 134.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn cho anh A, chị T mượn vàng khâu 24K 9999 tổng cộng là 11 chỉ.

Nay chị yêu cầu anh A và chị T trả cho chị số tiền 134.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24K 9999, chị không yêu cầu tính lãi suất.

Khoảng 04 năm trước cha chị là ông S có đứng ra vay tại Ngân hàng Sacombank Gò Dầu số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng anh A, chị T mượn, số nợ này đã đáo hạn nhiều lần, đến năm 2019 ông S tiếp tục vay lại cho anh A, chị T mượn số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng chị T có trả tiền lãi Ngân hàng đầy đủ, đến nay anh A và chị T không trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng nên ông S đã bỏ tiền ra trả cho Ngân hàng xong. Ông S không biết vợ chồng anh A, chị T mượn tiền để làm gì.

Ông S yêu cầu anh A và chị T trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nay ông S đã chết, chị và chị Tr là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S, chị vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của ông S, việc chia thừa kế số tiền ông S yêu cầu chị em chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) trình bày (Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2020):

VPB FC có cho chị T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019, hiện chị T còn nợ lại 34.855.384 đồng tiền nợ gốc. Nay Công ty yêu cầu anh A và chị T liên đới trả số nợ 39.386.477 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 34.855.384 đồng và tiền lãi là 4.531.093 đồng).

Tuy nhiên, ngày 09-11-2021 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) có đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu xác định nghĩa vụ trả nợ của chị T, Tòa án đã gửi Thông báo cho Công ty nhưng Công ty không trả lời, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng hợp lệ mời Công ty tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng Công ty không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Hồ Thị Hồng T trình bày: Do các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên không phát biểu ý kiến gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466 BLDS 2015; Điều 244 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T.

- Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Công nhận sự thỏa thuận của anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T, như sau:

- + Về tài sản chung: Giao anh A sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, anh A có nghĩa vụ thanh toán một nửa giá trị tài sản cho chị T như đã định giá.

- + Về nợ chung: Anh A và chị T mỗi người có nghĩa vụ trả một nửa số nợ cho chị Hồ Thị Thúy V và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S.

- + Anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T mỗi người có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền nợ gốc là 17.428.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019 khi Công ty có yêu cầu.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) về việc yêu cầu anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T liên đới trả số tiền 39.386.477 đồng (do có đơn rút yêu cầu khởi kiện).

- Về án phí: Anh A và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn S đã chết ngày 19-8-2021 nên Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự đưa những người thừa kế của ông S là chị Hồ Thị Hồng T, chị Hồ Thị Tr và chị Hồ Thị Thúy V tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G L (nay là phường G L) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh A yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh A và chị T trình bày không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh A và chị T đều thừa nhận vợ chồng có các tài sản chung sau đây: 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên quyền sử dụng đất của anh A tại khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; 01 chiếc xe mô tô hiệu Ferrolì, biển số 70L1-051.00 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và anh đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 70L1-438.65 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, chị T đang quản lý, sử dụng. Đây là những tài sản do vợ chồng cùng tạo lập.

[4.1] Tại phiên tòa, anh A yêu cầu chia đôi các tài sản chung trên, anh A nhận toàn bộ tài sản và giao lại cho chị T một nửa giá trị tài sản. Chị T cũng đồng ý theo yêu cầu của anh A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Kết quả định giá ngày 20-8-2020 của Hội đồng định giá thể hiện tổng giá trị các tài sản tranh chấp nêu trên là 226.685.040 đồng. Anh A và chị T đều không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả định giá ngày 20-8-2020 để phân chia tài sản chung cho anh A và chị T, giao cho anh A được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 83,79m² được xây dựng trên quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 11, khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do anh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 chiếc xe mô tô hiệu Ferrolì, biển số 70L1-051.00 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe; chị T có nghĩa vụ giao lại cho anh A được quyền sử dụng, sở hữu 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 70L1-438.65 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Anh A có nghĩa vụ thanh toán cho chị T một nửa giá trị các tài sản nêu trên là 113.342.520 đồng, làm tròn thành 113.343.000 đồng.

Chị T và anh A không tranh chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 11, khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng có nợ cha ruột chị là ông Hồ Văn S số tiền 50.000.000 đồng, nợ em ruột chị là chị Hồ Thị Thúy V số tiền 134.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24K 9999 và nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền nợ gốc tổng cộng là 34.855.348 đồng.

[5.1] Đối với số nợ của ông S và chị V: Anh A không thừa nhận có nợ tiền của ông S và chị V như chị T trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình giải

quyết vụ án, chị T có cung cấp chứng cứ chứng minh là một tờ giấy tập học sinh có ghi nội dung “V:150 triệu, ba vợ 50t” do anh A tự viết kê khai các khoản nợ và tài sản chung của vợ chồng vào năm 2019. Anh A không thừa nhận chữ viết trong tờ giấy trên là do anh viết ra nên Tòa án đã trưng cầu Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tiến hành giám định chữ viết trong tờ giấy tập học sinh do chị T cung cấp có phải do anh A viết hay không.

Tại Kết luận giám định số 1125/C09B, ngày 06-4-2021 của Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an thể hiện: Chữ viết có nội dung “V:150 triệu, ba vợ 50t” trong tờ giấy tập học sinh so với chữ viết đứng tên Võ Minh A trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa anh A đồng ý cùng chị T trả cho những người thừa kế của ông S số tiền 50.000.000 đồng và trả cho chị V số tiền 134.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24K 9999 là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.500.000 đồng/chỉ vàng 24K 9999.

Ghi nhận chị T, chị Tr và chị V không yêu cầu giải quyết việc chia thừa kế số tiền 50.000.000 đồng của ông S.

[5.2] Đối với số nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC): Ngày 11-11-2020 Công ty có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, yêu cầu anh A và chị T trả cho Công ty số nợ 39.386.477 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 34.855.384 đồng và tiền lãi là 4.531.093 đồng). Tuy nhiên, ngày 09-11-2021 Công ty rút đơn khởi kiện, xét thấy việc Công ty rút đơn yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Công ty.

[5.3] Ngày 07-01-2022, chị T có đơn yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 34.855.384 đồng của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) cho chị và anh A mỗi người trả một nửa. Anh A cũng thừa nhận có nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền nợ gốc 34.855.384 đồng và anh đồng ý trả một nửa số nợ trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh A và chị T mỗi người có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 17.427.692 đồng, làm tròn thành 17.428.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019 khi Công ty có yêu cầu.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định:

[7.1] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.650.000 đồng. Do tài sản chung được chia đôi cho anh A và chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc chị T và anh A mỗi người phải chịu một nửa chi phí này. Do anh A đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm

định tại chỗ và định giá tài sản nên buộc chị T phải trả lại cho anh A một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 825.000 đồng là phù hợp.

[7.2] Chi phí giám định là 4.000.000 đồng, chị T đã nộp toàn bộ số tiền này. Do yêu cầu giám định của chị T có căn cứ nên buộc anh A phải chịu chi phí này là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh A phải trả lại cho chị T số tiền 4.000.000 đồng.

[8] Án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của ông S và chị V được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S và chị V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 74, 157, 161, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Võ Minh A được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 83,79m² được xây dựng trên quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 11, khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do anh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 chiếc xe mô tô hiệu Ferrolì, biển số 70L1-051.00 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe; chị Hồ Thị Hồng T có nghĩa vụ giao lại cho anh A được quyền sử dụng, sở hữu 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 70L1-438.65 do anh A đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Tổng giá trị tài sản là 226.685.040 (Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi) đồng.

Anh Võ Minh A có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hồ Thị Hồng T một nửa giá trị tài sản chung là 113.343.000 (Một trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với quyền sử dụng đất diện tích 426m² nằm trong thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 11, khu phố L K, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do anh Võ Minh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung:

Anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T mỗi người có nghĩa vụ trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S, gồm: chị Hồ Thị Hồng T, chị Hồ Thị Tr và chị Hồ Thị Thúy V, số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị Hồ Thị Hồng T, chị Hồ Thị Tr và chị Hồ Thị Thúy V không yêu cầu giải quyết việc chia thừa kế số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng của ông S.

Anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Thúy V số tiền 67.000.000 (Sáu mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S và chị Hồ Thị Thúy V không yêu cầu tính lãi suất.

Anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Thúy V 5,5 chỉ vàng 24K 9999.

Anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T mỗi người có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền nợ gốc là 17.428.000 (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 24-01-2018 và ngày 24-4-2019 khi Công ty có yêu cầu.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) về việc yêu cầu anh Võ Minh A và chị Hồ Thị Hồng T liên đới trả số tiền 39.386.477 (Ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi bảy) đồng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định:

Chị Hồ Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho anh Võ Minh A số tiền 825.000 (Tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Anh Võ Minh A có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Hồng T số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng chi phí giám định.

6. Án phí: Anh Võ Minh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và 6.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018165, ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Anh A còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.788.000 (Ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 6.113.000 (Sáu triệu một trăm mười ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn S là chị Hồ Thị Hồng T, chị Hồ Thị Tr và chị Hồ Thị Thúy V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Thị Thúy V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị V số tiền 4.808.000 (Bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018500, ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty số tiền 985.000 (Chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014929 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

7. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G L;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc